CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tasco

Ngày 31/03/2025	14,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	**-8.1%**	-

DT thuần
Q1/25
6,976
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3,922| -36.0%
YoY: ▲ 1,793| 34.6%

LN thuần
Q1/25
17.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼244| -93.4%
YoY: ▲ 8.55| 100%

LN sau thuế
Q1/25
37.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼120| -76.4%
YoY: ▲ 4.90| 15.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
3.4%
YoY: +/-▼ 0.1%

ROE (TTM)
Q1/25
1.2%
YoY: +/-▲ 0.0%

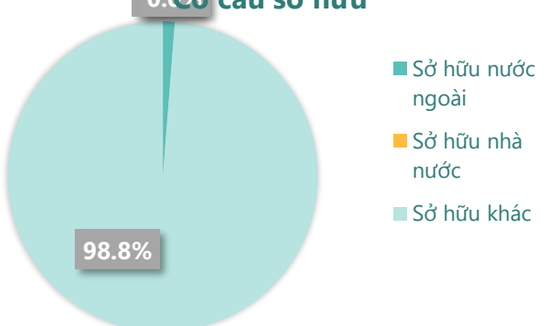
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	14,800 - 19,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	13,209
Số lượng CPLH (CP)	892,511,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,167,720
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	0.74
EPS	155
P/E	95.5

DT thuần
2024
30,229
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19,247| 175%

LN thuần
2024
295
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 228| 343%

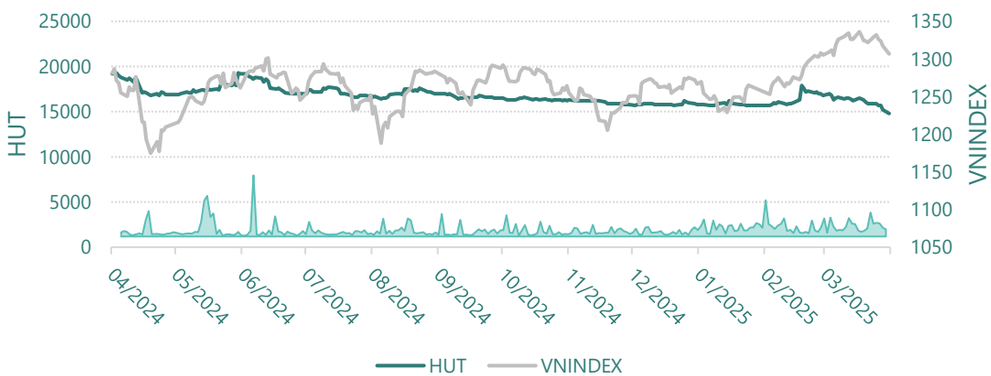
LN sau thuế
2024
305
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 249| 441%

Cơ cấu sở hữu

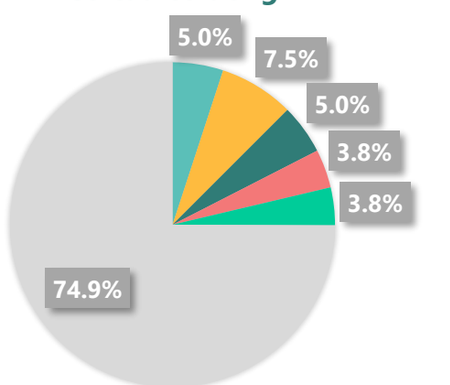


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



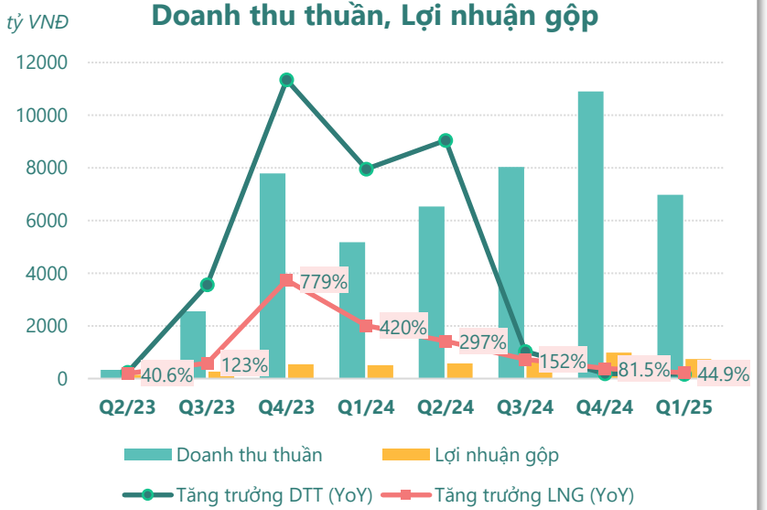
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

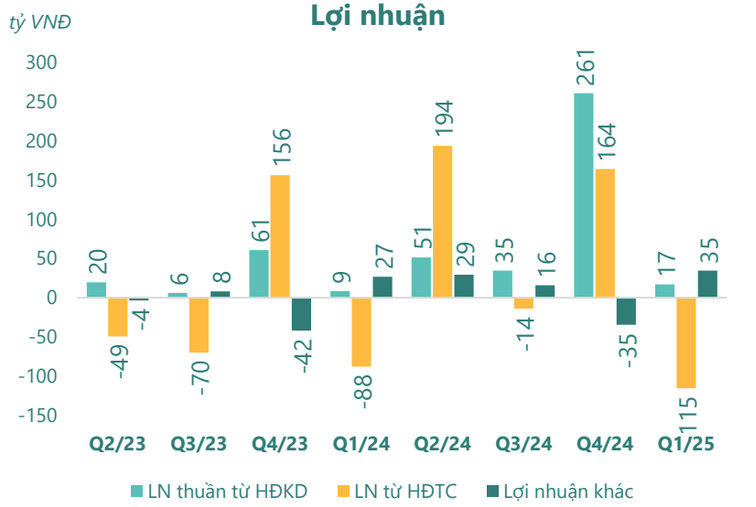
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



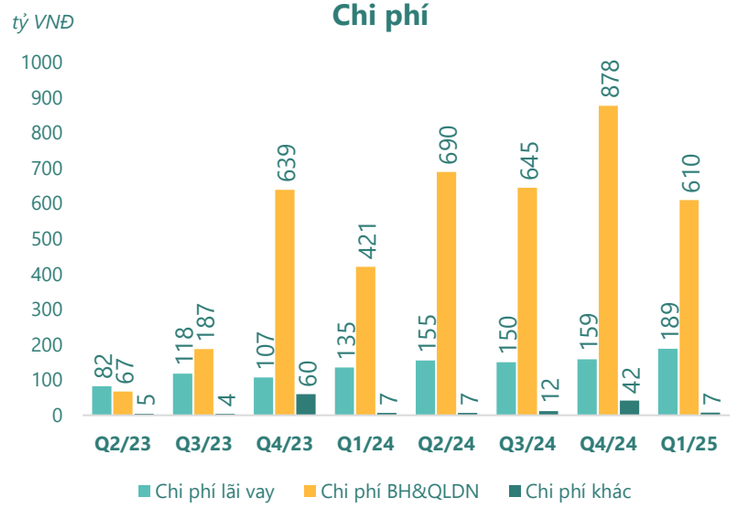
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



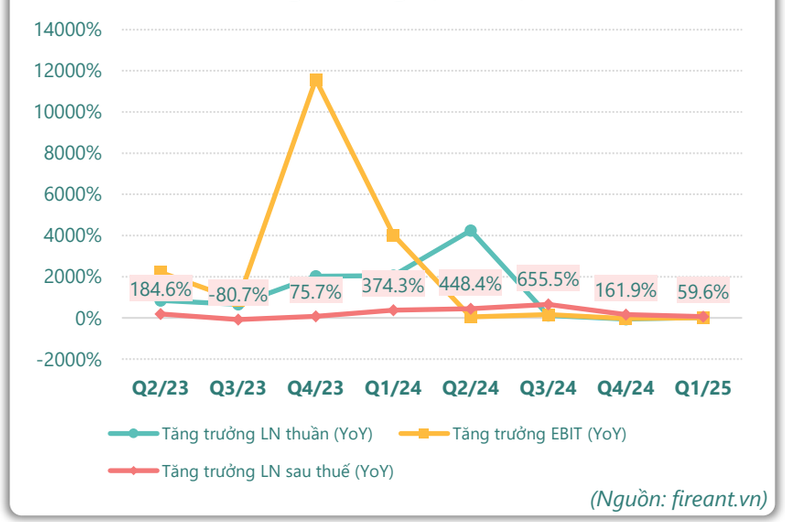
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



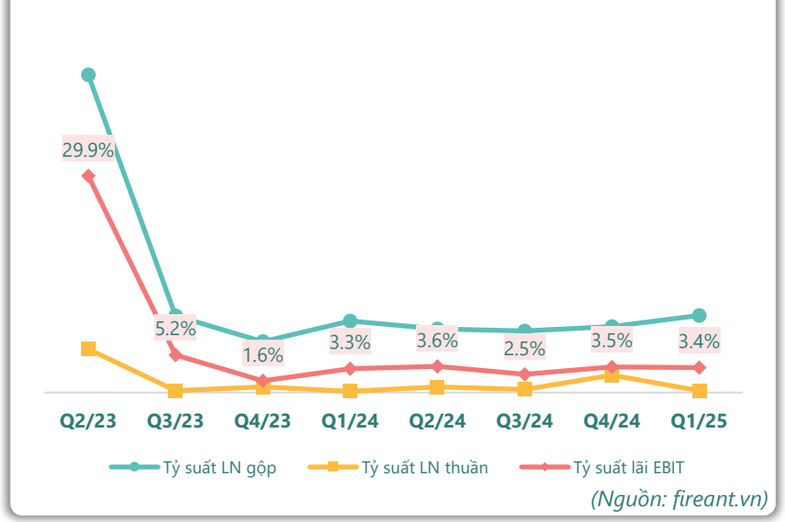
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



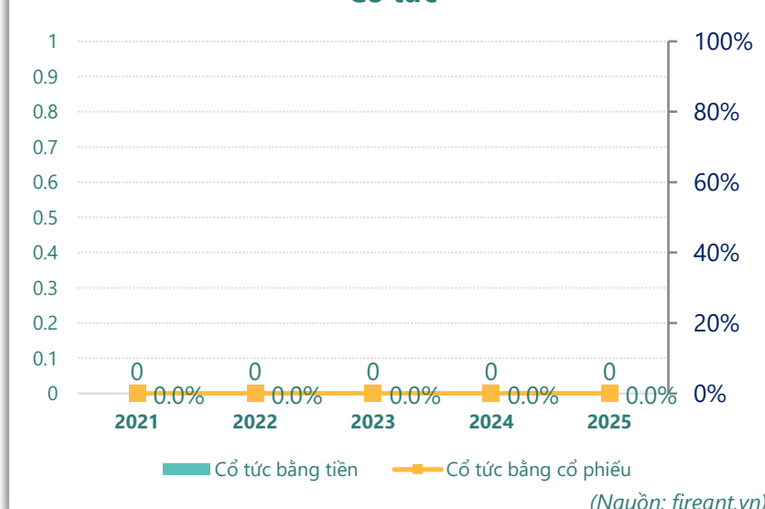
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

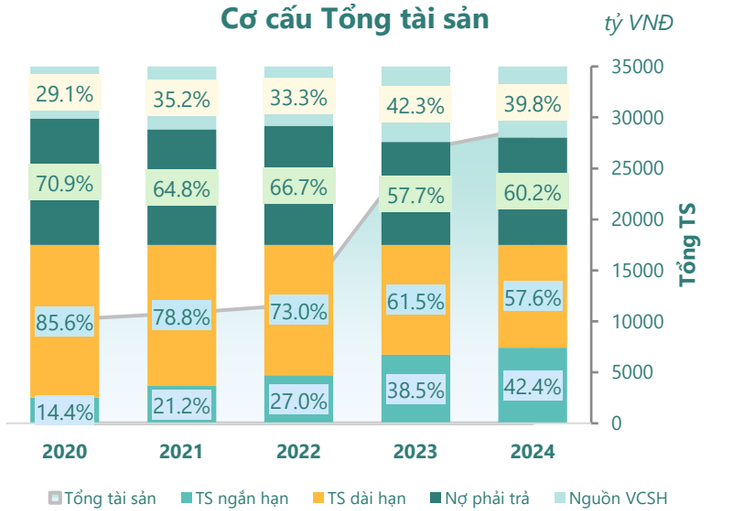
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

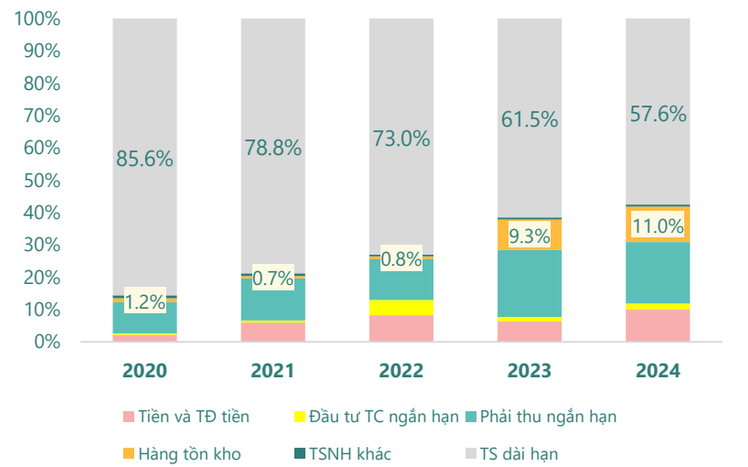
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



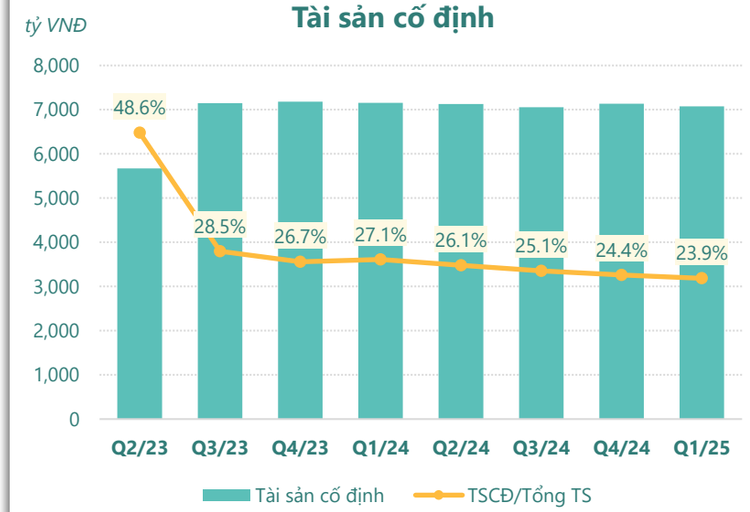
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



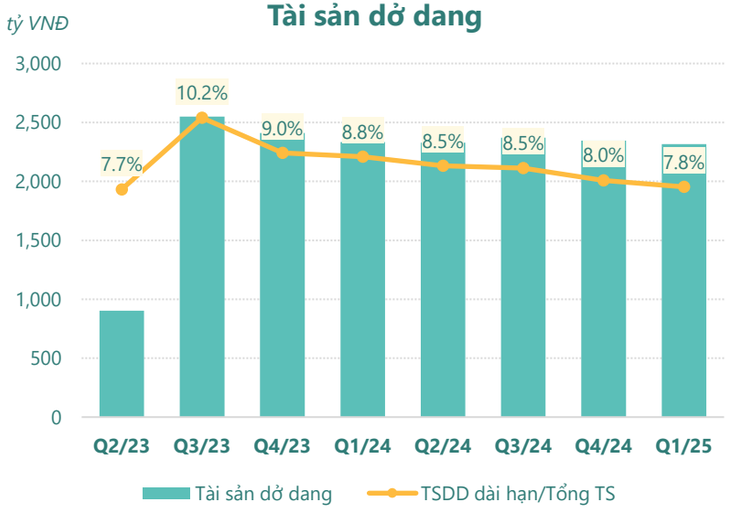
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



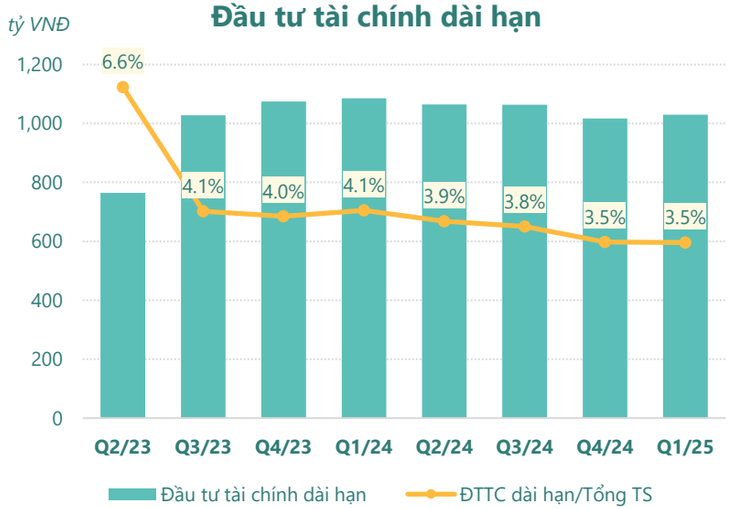
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



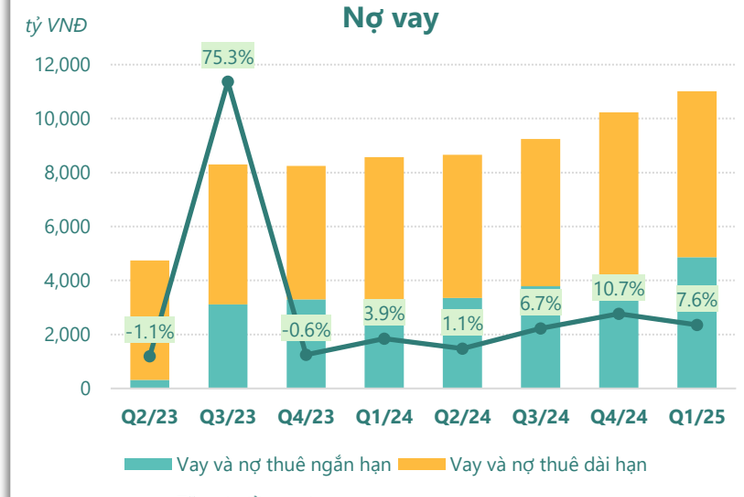
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

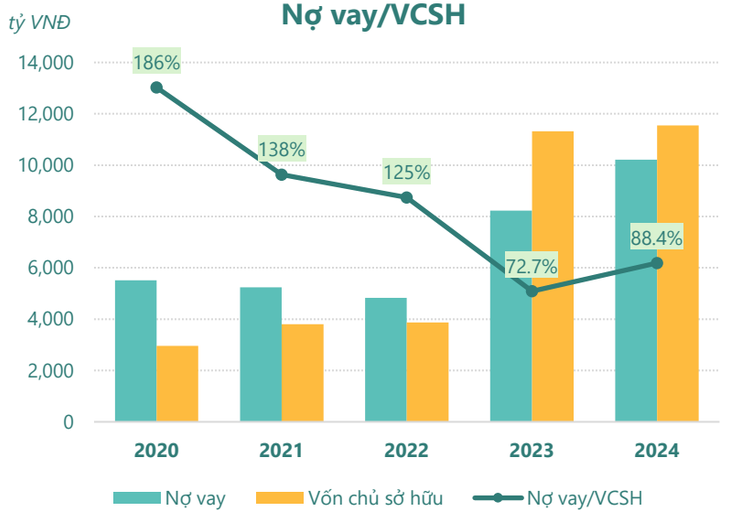
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

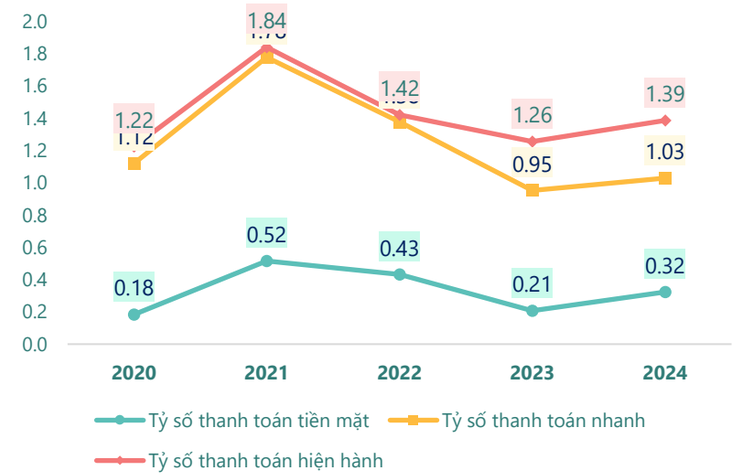
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



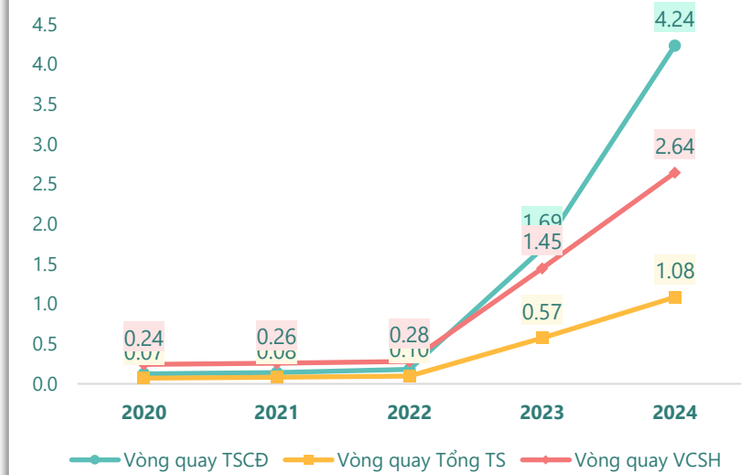
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



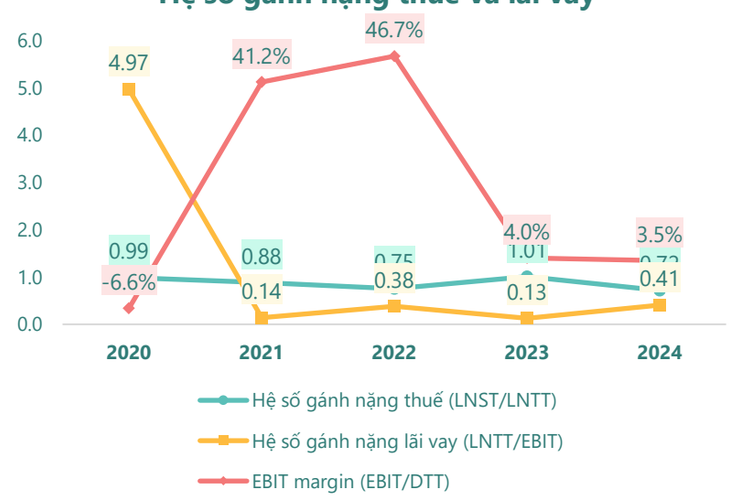
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



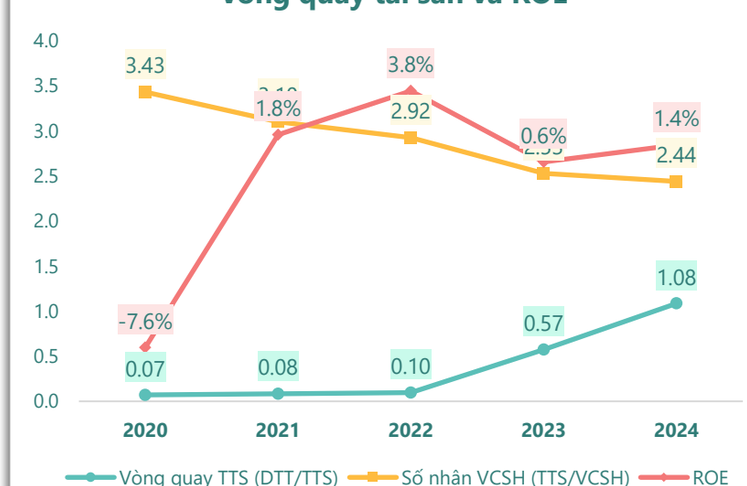
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



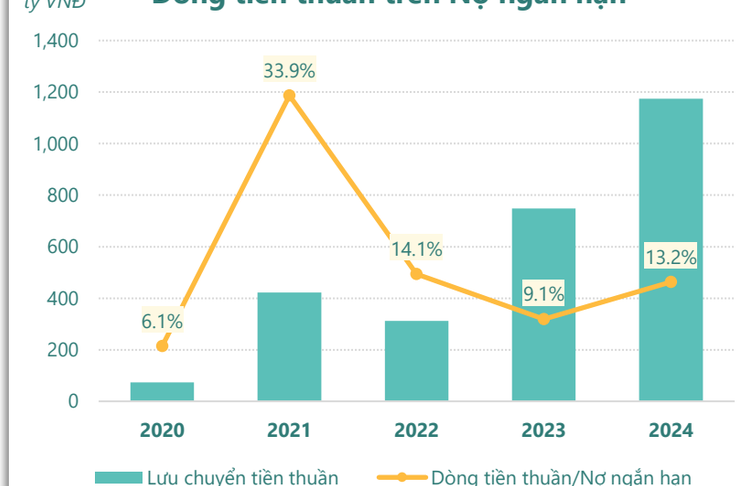
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6,976**	**5,183**	**34.6%**	**30,229**	**10,982**	**175%**
Giá vốn hàng bán	6,234	4,671	33.5%	27,555	9,950	177%
Lợi nhuận gộp	742	512	44.9%	2,674	1,032	159%
Doanh thu HĐTC	80.0	53.6	49.3%	875	376	133%
Chi phí TC	195	142	37.7%	706	406	73.9%
Chi phí lãi vay	189	135	39.8%	623	386	61.7%
LN trong công ty LKLD	**0.69**	**5.76**	**-88.1%**	**-25.1**	**-18.6**	**-35.0%**
Chi phí bán hàng	327	238	37.4%	1,129	378	198%
Chi phí QLDN	**283**	**183**	**54.6%**	**1,393**	**538**	**159%**
LN thuần từ HĐKD	17.1	8.55	100%	295	66.8	343%
Lợi nhuận khác	**34.6**	**26.6**	**30.2%**	**130**	**-10.9**	**1295%**
LN trước thuế	51.8	35.2	47.0%	426	55.8	662%
Lợi nhuận sau thuế	**37.0**	**32.1**	**15.4%**	**305**	**56.3**	**441%**
LNST của CĐ cty mẹ	**28.9**	**26.0**	**11.0%**	**156**	**47.2**	**231%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	278	15.5	156	558	35.9	48.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-70.0	-384	-300	-89.5	-194	-853
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-52.9	345	267	-249	992	232
Tiền đầu kỳ	1,583	1,702	1,678	1,801	2,021	2,876
Lưu chuyển tiền thuần	**155**	**-23.3**	**123**	**220**	**834**	**-572**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	1,738	1,678	1,801	2,021	2,855	2,304

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**29,633**	**28,987**	**2.2%**
Tài sản ngắn hạn	12,976	12,304	5.5%
Tiền và tương đương tiền	2,304	2,876	-19.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	805	568	41.8%
Phải thu ngắn hạn	5,933	5,494	8.0%
Hàng tồn kho	3,687	3,177	16.1%
Tài sản ngắn hạn khác	247	189	30.5%
Tài sản dài hạn	**16,657**	**16,683**	**-0.2%**
Phải thu dài hạn	1,320	1,274	3.6%
Tài sản cố định	7,077	7,096	-0.3%
Bất động sản đầu tư	1,377	1,391	-1.0%
Tài sản dở dang	2,315	2,279	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,030	999	3.1%
Tài sản dài hạn khác	**1,468**	**1,496**	**-1.9%**
Lợi thế thương mại	2,072	2,149	-3.6%
Nợ phải trả	18,070	17,436	3.6%
Nợ ngắn hạn	**9,689**	**8,876**	**9.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4,859	4,074	19.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	938	1,216	-22.9%
Nợ dài hạn	8,381	8,561	-2.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	6,157	6,141	0.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**11,563**	**11,551**	**0.1%**
Vốn chủ sở hữu	**11,563**	**11,551**	**0.1%**
Vốn điều lệ	8,925	8,925	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)